

Số: 13 /2026/TT-BNV

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội

Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội thực hiện các nhiệm vụ được nhà nước giao ở Trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ở xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh; ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

2. Viên chức hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đến làm việc tại các hội, tổ chức phi Chính phủ, dự án và cơ quan, tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam mà vẫn được hưởng lương theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP, Nghị định số 117/2016/NĐ-CP và Nghị định số 07/2026/NĐ-CP.

4. Người hưởng lương làm việc trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

8. Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định của Chính phủ thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

9. Các đối tượng sau đây được áp dụng Thông tư này để tính toán xác định mức đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật:

a) Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng (trong nước và ngoài nước) thuộc danh sách trả lương của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;

b) Người đang trong thời gian thử việc theo quy định tại Điều 24 Bộ luật Lao động trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;

c) Cán bộ, công chức, viên chức đang bị tạm đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Thông tư này là các tổ chức quy định tại Điều 1 Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 09-QĐ/TW.

2. Chính sách của Nhà nước đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và hội quy định tại Thông tư này sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Cách tính mức lương, phụ cấp và hoạt động phí

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 8 và 9 Điều 1 Thông tư này:

Căn cứ vào hệ số lương và phụ cấp hiện hưởng quy định tại các văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 161/2026/NĐ-CP) để tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) như sau:

a) Công thức tính mức lương:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức lương thực} \\ \text{hiện từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm 2026} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 2.530.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số lương} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right)$$

b) Công thức tính mức phụ cấp:

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương cơ sở:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ cấp thực} \\ \text{hiện từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm 2026} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 2.530.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số phụ cấp} \\ \text{hiện hưởng} \end{array} \right)$$

- Đối với các khoản phụ cấp tính theo % mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có):

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ} \\ \text{cấp thực} \\ \text{hiện từ} \\ \text{ngày 01} \\ \text{tháng 7} \\ \text{năm 2026} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{thực hiện} \\ \text{từ ngày 01} \\ \text{tháng 7} \\ \text{năm 2026} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{chức vụ lãnh} \\ \text{đạo thực hiện} \\ \text{từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm} \\ \text{2026 (nếu có)} \end{array} \right) + \left(\begin{array}{l} \text{Mức phụ cấp} \\ \text{thâm niên vượt} \\ \text{khung thực hiện} \\ \text{từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm} \\ \text{2026 (nếu có)} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \%} \\ \text{phụ cấp} \\ \text{được} \\ \text{hưởng} \\ \text{theo quy} \\ \text{định} \end{array} \right)$$

- Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

c) Công thức tính mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có):

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức tiền của hệ số} \\ \text{chênh lệch bảo lưu} \\ \text{thực hiện từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm 2026} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 2.530.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch} \\ \text{bảo lưu hiện} \\ \text{hưởng (nếu có)} \end{array} \right)$$

2. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư này:

Căn cứ vào hệ số hoạt động phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật hiện hành để tính mức hoạt động phí theo công thức sau:

$$\left(\begin{array}{l} \text{Mức hoạt động phí} \\ \text{thực hiện từ ngày 01} \\ \text{tháng 7 năm 2026} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{l} \text{Mức lương cơ sở} \\ 2.530.000 \\ \text{đồng/tháng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{l} \text{Hệ số hoạt} \\ \text{động phí theo} \\ \text{quy định} \end{array} \right)$$

3. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư này, quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán đối với mỗi thôn, tổ dân phố theo quy định của Chính phủ được tính theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng.

4. Đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư này:

a) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Người làm việc trong tổ chức cơ yếu trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an), thực hiện tính mức lương, mức phụ cấp và mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo cách tính quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 07/2024/TT-BNV ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và hội.

3. Các khoản trích và các chế độ được hưởng tính theo mức lương cơ sở được tính lại tương ứng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý các đối tượng hưởng lương, phụ cấp và hoạt động phí quy định tại Điều 1 Thông tư này, căn cứ vào số đối tượng đến ngày 01 tháng 7 năm 2026 để tính mức lương, mức phụ cấp, mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) và hoạt động phí theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, Cục TL&BHXH (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Khương